TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THĂNG BÌNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **237**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-9-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THĂNG BÌNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Võ Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân.

2. Bà Trần Thị Xuân Tiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1967. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Phạm T, sinh năm 1965. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Khu phố C, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/7/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T chung sống với nhau từ năm 1989 trên tinh thần tự nguyện nhưng không có tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình sống chung không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn; do ông T mỗi lần uống rượu về đánh đập bà nhiều lần nhưng vì con nên bà vẫn cố gắng chịu đựng để nuôi con. Trước ngày nộp đơn ly hôn khoảng 01 tháng ông T vẫn đánh đập bà nên bà không thể tiếp tục chịu đựng được nữa. Hiện nay

các con đã trưởng thành và bà thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm Hữu Th, sinh ngày 10/3/1991 và Phạm Hữu A, sinh ngày 09/09/2000. Các con hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động và con lớn đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yều cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn – Ông Phạm T trình bày:* Về thời gian, điều kiện chung sống với nhau như vợ chồng và không tổ chức đăng ký kết hôn như bà N trình bày là đúng. Trong thời gian sống chung như vợ chồng, giữa ông và bà N có xảy ra mâu thuẫn, ông thừa nhận nhiều lần có đánh đập bà N là do mỗi lần đi làm về uống rượu là bà N cằn nhằn, ăn nói xúc phạm nên ông mới đánh bà N. Nay bà N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông không đồng ý, vì hiện nay con trai nhỏ chưa lập gia đình nên ông không muốn làm ảnh hưởng đến con cái.

Về con chung: Trong quá trình sống chung, giữa ông và bà N có 02 con chung như bà N đã trình bày; hiện nay các con đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yều cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thăng Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 9, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị N chung sống như vợ chồng với ông Phạm T có địa chỉ tại Khu phố C, thị trấn Hà Lam, huyện Thăng Bình nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, ông bà sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà N là do ông T rượu chè và nhiều lần đánh đập bà, bà không thể chịu đựng được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Ông T cũng thừa nhận trong thời gian chung sống, giữa ông và bà N xảy ra nhiều mâu thuẫn và ông có đánh đập bà nhiều lần như bà N trình bày. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì không muốn làm ảnh hưởng đến con cái.

Xét thấy, bà N và ông T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1989 nhưng không tổ chức đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân không hợp pháp. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình thì: *"Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 01/3/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu luật đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận là vợ chồng".* Do đó, yêu cầu của bà N là có căn cứ cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 02 con chung tên Phạm Hữu Th, sinh ngày 10/3/1991 và Phạm Hữu A, sinh ngày 09/09/2000. Các con hiện nay đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]. Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật Hôn nhân gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với ông Phạm T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị N và ông Phạm T là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng bà Nguyễn Thị N phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006025 ngày 19/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Thăng Bình;
- Chi cục THADS huyện Thăng Bình;
- UBND thị trấn Hà Lam, Thăng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Thể